

TRUNG QUỐC CÓ THỂ BẢO VỆ ĐƯỢC “LỢI ÍCH CỐT LÕI” TẠI BIỂN ĐÔNG HAY KHÔNG?

Toshi Yoshihara, James R. Holmes

PGS. về chiến lược trường ĐH Hải chiến Hoa Kỳ

Có cảm giác quanh các báo cáo rằng Trung Quốc đã tuyên bố Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” của quốc gia. Các quan chức cao cấp của Trung Quốc được cho là đã đưa ra khái niệm này trong một cuộc gặp kín vào tháng 3 năm 2010 với hai chức sắc của Mỹ, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ James B. Steinberg và ông Jeffrey Bader, Giám đốc phụ trách khu vực Châu Á thuộc Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ.¹ Tiếp đó, trong bài phỏng vấn với Tạp chí “The Australian”, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã tiết lộ rằng đoàn đại biểu Trung Quốc đã tái khẳng định tuyên bố của Bắc Kinh trong Đối Thoại Chiến Lược và Kinh Tế Mỹ-Trung lần thứ 2 được tổ chức tại Bắc Kinh vào tháng 5 năm 2010.² Từ đó xuất hiện rất nhiều các tranh cãi về của ngữ cảnh cũng như nội dung chính xác của các phát biểu tại các cuộc họp đó.³ Từ đó, các quan chức Trung Quốc đã kiểm chế công khai mô tả Biển Đông theo thuật ngữ chính thức và cứng nhắc đó.

¹ Edward Wong “Chinese Military Seeks to Extend Its Naval Power,” New York Times April 23, 2010, <http://www.nytimes.com/2010/04/24/world/asia/24navy.html>.

² U.S. State Department, “Remarks by Secretary Clinton: Interview with Greg Sheridan of The Australasian,” Melbourne, Australia, 8/11/2010 <http://www.state.gov/secretary/rm/2010/11/15067/htm>.

³ Để xem một số lý giải hợp lý về những vấn đề này, xem Carlyle A. Thayer, “Recent Developments in the Soouth China Sea: Grounds for Cautious Optimism?” RSIS Working Paper, số 220 (14/12/2010) trang 2-6, <http://www.rsis.edu.sg/publications/WorkingPapers/WP220.pdf>, và Michale D. Swaine, “China’s Assertive Behavior, Phần I: On ‘Core Interests’,” “China Leadership Monitor số34 (Fall2010), trang 8-11, http://www.carnegieendowment.org/files/Swaine_CLM_34_1114101.pdf.

Sự mơ hồ và tranh cãi xung quanh vấn đề này gợi nhớ đến một sự kiện tương tự cách đó 15 năm, khi khủng hoảng tại Eo biển Đài Loan lên tới đỉnh điểm. Vào thời điểm đó, một vị tướng của Trung Quốc đã nói với cựu đại sứ Hoa Kỳ, Chas Freeman rằng lãnh đạo Hoa Kỳ “nên lo cho Los Angeles hơn lo Đài Loan”. Phát biểu đó được cho là sự úp mở về một mối đe dọa hạt nhân.⁴ Sự phủ nhận sau này của Trung Quốc về điều này đã tạo nên sự mập mờ về bản chất của cuộc đối thoại không chính thức này. Tuy nhiên, những sự kiện này cho thấy rằng Bắc Kinh thường khoanh đỏ những vấn đề mà họ coi là tối quan trọng đối với lợi ích của mình. Chúng cũng cảnh báo về việc xem các phát ngôn của Trung Quốc như thật.

Đặt giả thiết cho cuộc tranh luận rằng Trung Quốc coi vấn đề Biển Đông là “lợi ích cốt lõi” của quốc gia. Việc khẳng định lợi ích đó đã đặt tầm quan trọng của vùng nước đó lên mức dành cho các vùng lãnh thổ như Tây Tạng, Đài Loan và Tân Cương mà Trung Quốc xem như một phần lãnh thổ quốc gia không thể tách rời của họ và sẽ bảo vệ bằng mọi giá. Điều này cho thấy một mục tiêu chính trị với phạm vi đáng ngạc nhiên. Để bảo vệ “lợi ích cốt lõi” của mình, Trung Quốc có thể tăng cường các nỗ lực ngoại giao và quân sự ở mức cao nhất. Nhưng liệu Quân đội giải phóng nhân dân (PLA) có thể thực hiện điều đó và bằng cách nào?

Liệu Bắc Kinh có các phương tiện quân sự, chiến lược và tinh thần chiến đấu quả cảm để bảo vệ được lợi ích quan trọng này của quốc gia? Đánh giá khả năng hiện tại và những khả năng tiềm ẩn của Trung Quốc sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách và các nhà phân tích xác định liệu mục đích của Bắc Kinh tại Biển Đông có nằm trong khả năng các phương tiện quân sự của

⁴ John W. Garver, *Face Off: China, the United States, and Taiwan's Democratization* (Seattle: University of Washington Press, 1997), trang 129.

họ hay không. Nếu không, cần xác định thời gian và nguồn lực mà Trung Quốc phải đầu tư để có thể bảo vệ được lợi ích cốt lõi của mình. Đánh giá được điều này sẽ gợi ý các nước liên quan chủ yếu trong khu vực có thể đối phó như thế nào với chính sách ngày càng tham vọng của Trung Quốc mà không khiêu khích một sự phản ứng thái quá từ Bắc Kinh.

Phạm vi các mục tiêu chiến lược

Trước tiên cần xác định Bắc Kinh hàm ý gì trong cụm từ “lợi ích cốt lõi” và chỉ đạo chiến lược nào xuất phát từ lợi ích đó? Nếu lãnh đạo Đảng cộng sản Trung Quốc thực sự xử lý vấn đề Biển Đông như đã từng làm với Đài Loan thì có thể thấy rõ một số ngụ ý chiến lược sau:

Chủ quyền lãnh thổ là không thể chia cắt. Nếu lãnh đạo Trung Quốc coi chủ quyền trên biển không thể tách khỏi chủ quyền trên đất liền thì không thể để các tranh chấp về lãnh thổ không được giải quyết vô thời hạn.⁵ Mặc dù Bắc Kinh đã có ý định gác lại các tuyên bố chủ quyền gây tranh cãi sang một bên vì mục đích khai thác chung nguồn tài nguyên thiên nhiên nhưng quan điểm của Trung Quốc về sự toàn vẹn lãnh thổ là bất khả xâm phạm. Vì thế dù thế nào thì Trung Quốc phải tìm được cách giải quyết cho vấn đề này.

Trung Quốc cần sức mạnh vũ trang để chiếm giữ các vùng lãnh thổ mà Trung Quốc đang có tranh chấp. Theo đó, nếu Biển Đông là lợi ích cốt lõi cần được đảm bảo trong bất cứ hoàn cảnh nào thì Trung Quốc phải chuẩn bị

⁵ Trong khi bản chất thật sự của các yêu sách biển của Bắc Kinh vẫn đang được tranh luận thì thậm chí trong số các nhà phân tích Trung Quốc, một nhóm học giả xem Biển Đông là lãnh thổ có chủ quyền. Xem Peter A. Dutton, “Through a Chinese Lens,” *Naval Institute Proceedings* 126, số 4 (4/2010): trang 24-39. Ngoài ra, xét về quan điểm lịch sử, xem Andrew R. Wilson, “The Maritime Transformations of Ming China,” trong *China Goes to Sea: Maritime Transformation in Comparative Historical Perspective*, eds. Andrew S. Erickson, Lyle J. Goldstein, and Carnes Lord (Annapolis: Naval Institute Press, 2009), trang 235-287.

những điều cần thiết nhằm đánh bại nỗ lực từ các nước bên ngoài để có thể biến nguyên trạng hiện tại thành một thực tế chính trị lâu dài. Bắc Kinh cần có đủ khả năng để chiếm giữ toàn bộ và nguyên vẹn tất cả vùng lãnh thổ đang có tranh chấp đồng thời ngăn cản ý định đảo ngược các lợi ích của Trung Quốc từ kẻ thù.

Trung Quốc phải áp đặt một trật tự mới trong khu vực. Để củng cố sự thống nhất quốc gia và bảo vệ tất cả các lợi ích cốt lõi của mình, Trung Quốc phải thiết lập một trật tự mới trong khu vực bất chấp những thách thức từ những nước láng giềng và các cường quốc bên ngoài. Nước này có thể thiết lập trật tự khu vực đó bằng sự đồng thuận hoặc ngoại giao cưỡng bức, tùy thuộc vào hoàn cảnh. Tuy nhiên để ngăn chặn các mối đe dọa đến trật tự mà Trung Quốc thiết lập, việc xây dựng một lực lượng hải quân thống trị ở khu vực là điều khôn ngoan.

Những gợi ý này sẽ thúc giục các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc hướng tới quan điểm tối đa hóa lợi ích cốt lõi của quốc gia. Nếu Bắc Kinh hành động dựa trên các gợi ý này thì Biển Đông sẽ trở thành một cái hồ của Trung Quốc trong đó PLA chặn mọi đường vào của hải quân nước ngoài.

Một sự diễn giải khiêm tốn hơn căn cứ vào lịch sử Hoa Kỳ cũng có khả năng xảy ra. Một số người ở Trung Quốc xem Biển Đông, Hoa Đông và Hoàng Hải mà những người dân thường Trung Quốc gọi một cách đơn giản là "Tam Hải" (ba vùng biển) hoặc "Cận Hải" (các vùng biển gần) theo cách tương tự mà những người Mỹ thế kỷ 19 xem biển Caribbean và Vịnh Mexico là hai khu vực mà Hoa Kỳ phải chiếm hữu để hiện thực hóa tiềm năng chính trị và

thương mại của nước này.⁶ Ngoại trừ một số ít các đảo chiếm từ Tây Ban Nha năm 1898, Washington không có tuyên bố lãnh thổ nào ở Caribe hay vùng Vịnh và cũng không ngăn cản các tàu chiến của châu Âu tại khu vực này. Chính quyền Mỹ chủ yếu muốn ngăn chặn những nỗ lực của Châu Âu để có được các căn cứ Hải quân xuyên qua các làn đường biển dẫn đến eo đất Trung Mỹ, vị trí tương lai của một kênh đào xuyên đại dương.

Đó là chính xác là mục đích mà tổng thống Theodore Roosevelt muốn nói đến trong “Hệ luận” năm 1904 của ông đối với học thuyết Monroe. Roosevelt tuyên bố quyền hạn chế để can thiệp vào công việc của các quốc gia Caribe kém phát triển không có khả năng trả các khoản vay cho các ngân hàng Châu Âu. Các chính phủ Châu Âu thường gửi tàu chiến để chiếm các phòng thuế hải quan ở những quốc gia này để trả nợ cho những chủ nợ của họ. Để có thể làm như vậy, họ đã chiếm hữu lãnh thổ ven biển thuộc châu Mỹ nơi mà họ có thể biến thành căn cứ Hải quân dọc theo các làn đường biển Caribe.⁷ Một viễn cảnh như thế là điềm xấu đối với các nhà chiến lược hàng hải Hoa Kỳ.

Tại sao việc chặn trước sự xâm nhập châu Âu quan trọng như vậy? Đối với nhà tư tưởng về sức mạnh biển Alfred Thayer Mahan, Eo đất (Isthmus) tạo nên một “cổng vào” Thái Bình Dương cho Hoa Kỳ”.⁸ Đào một kênh ngang qua Nicaragua hoặc Panama và bảo vệ các cửa ngõ hướng đến kênh đào đó

⁶ Fareed Zakaria, *From Wealth to Power. The Unusual Origins of America’s World Role* (Princeton: Princeton University Press, 1998), trang 128-180.

⁷ Dexter Perkins, *A History of the Monroe Doctrine* (Boston: Little, Brown, 1955), trang 228-275.

⁸ Alfred Thayer Mahan, *Naval Strategy, Compared and Contrasted with the Principles and Practice of Military Operations on Land* (Boston: Little Brown, 1911), trang 111.

là mối quan tâm lớn nhất của Mahan. Ông tiên đoán rằng " các quốc gia thương mại táo bạo " như nước Đức dưới thời Kaiser sẽ đấu tranh giành các thuộc địa có vị trí địa chính trị, như các đế quốc Tây Ban Nha và Anh đã làm trong nhiều thế kỷ.⁹ Mahan cho rằng Hoa Kỳ bây giờ đặt lợi ích vượt trội lên eo đất này, do cả lợi ích thương mại đang phát triển ở vùng Viễn Đông và vị trí địa lý đặc biệt của nó mà đã cản trở " sự liên lạc nhanh chóng và an toàn giữa hai vùng bờ biển của chúng ta".¹⁰ Đối với ông, sự lưu thông tự do vận tải quân sự và thương mại giữa bờ Đông và bờ Tây, và giữa Bắc Mỹ và Châu Á, tạo thành lợi ích cốt lõi của Mỹ tại Vùng vịnh và biển Carribe.

Để giữ vững lợi ích cốt lõi này, Mahan đòi hỏi lực lượng Hải quân Mỹ cần có 20 tàu chiến để có thể "chiến đấu, với những cơ hội chiến thắng hợp lý, lực lượng lớn nhất có thể được đem đến để chống lại nước này" ở các vùng biển phía Nam.¹¹ Một đội tàu "có khả năng tạo ra những cú đánh mạnh" và có thể giành lấy "quyền làm chủ trên biển" từ các đạo quân châu Âu được phái đến châu Mỹ.¹²

Biển Đông là câu trả lời của Trung Quốc cho Biển Carribe và Vùng Vịnh. Với vai trò là con đường biển quan trọng đến Ấn Độ Dương và eo Malacca, Biển Đông cũng khá giống với các biển nửa kín của Mỹ. Bán đảo Malay và

⁹ Alfred Thayer Mahan, *The Interest of America in Sea Power, Present and Future* (1897; tái bản, Freeport: Books Libraries Press, 1970), trang 65-68.

¹⁰ Nt, trang 78-83.

¹¹ Nt, trang 198.

¹² Alfred Thayer Mahan, *The Influence of Sea Power upon History, 1660- 1783* (1890; tái bản, New York: Dover, 1987), trang 138; Mahan, *Interest of America in Sea Power*, trang 198; Margaret Tuttle Sprout, "Mahan: Evangelist of Sea Power," trong *Makers of Modern Strategy: Military Thought from Machiavelli to Hitler*, ed. Edward Mead Earle (Princeton: Princeton University Press, 1943), trang 433.

quần đảo Sumatra nổi lên là một không gian địa lý, tạo nên một eo đất lớn, mà dưới con mắt của người Trung Quốc giống như eo đất đã từng ám ảnh Mahan. Và Biển Đông cũng giống như biển Carribe của Mahan, là một vùng biển mà chỉ có một quốc gia biển lớn là Trung Quốc bao quanh nó. Hai biển kín là Baltic và biển Đen, mà tiếp giáp với một cường quốc lục địa nổi bật là Nga, cũng đặt ra một tình huống tương tự. Liên Xô đã xây dựng một lực lượng hải quân mạnh để biến những biển trên thành của mình. Dường như các tình huống tương tự tạo ra các chiến lược tương tự.

NẾU TẬP TRUNG VÀO BIỂN ĐÔNG, TRUNG QUỐC CÓ THỂ XAO NHÃNG CÁC LỢI ÍCH Ở BIỂN HOÀNG HẢI VÀ BIỂN HOA ĐÔNG

Nhưng mà nước Mỹ cuối thế kỷ vẫn nằm rất xa khỏi các mối đe dọa từ các cường quốc chính khác. Nước này có khả năng để ngỏ bờ biển Thái Bình Dương hoặc Đại Tây Dương của mình ít nhiều không cần phòng thủ để tập trung năng lượng của mình vào một sự mở rộng kín đáo. Trung Quốc thì lại không có lợi thế này. Nếu nước này chỉ tập trung hải quân vào việc xử lý các tranh chấp ở Biển Đông thì sẽ có thể mất những lợi ích quan trọng ở biển Hoàng Hải và Hoa Đông. Bắc Triều Tiên vẫn tiếp tục gây phiền nhiễu ở ngay cửa ngõ biển của Trung Quốc. Đối thủ kinh địch là Nhật Bản thì đang khoe mình với một đội tàu đẳng cấp thế giới và một vị trí chiến lược trên các con đường giao thông vận tải (sea lines of communication SLOCs) của Trung Quốc. Tình thế bế tắc trên eo biển Đài Loan vẫn bị kéo dài, lần nữa, đòi hỏi sự quan tâm chính sách của Trung Quốc. Cùng lúc đó, lợi ích biển ngày càng lớn kêu gọi sự chú ý của Trung Quốc đến các vùng biển bên ngoài Đông Á và đến các nhiệm vụ như chống cướp biển. Bắc Kinh không thể thờ ơ trước những vấn đề như vậy, những vấn đề có thể vắt kiệt các nguồn lực của các đội quân Đông Nam Á.

Bắc Kinh cũng không thể dựa vào một đội thuyền mạnh khác để làm bối rối Hải quân Mỹ, lực lượng đang kiểm soát vùng biển này. Nước Mỹ của Mahan gặp may không chỉ về mặt địa chính trị mà còn về mặt ngoại giao. Đối mặt với một hạm đội ngoài khơi đang trở dậy của Đức, Hải quân Hoàng gia Anh phải lạng lẽ rút quân từ Tây bán cầu để bảo vệ quần đảo Anh khỏi mối đe dọa lớn từ Đức. Anh không còn duy trì một hạm đội thường trực ở Bắc Mỹ nữa. Trái lại, chiến lược Hải quân năm 2007 của Mỹ cam kết đặt cố định một lực lượng chiến đấu đáng tin cậy ở Tây Thái Bình Dương, với mục tiêu chính là để đảm bảo an ninh cho các đồng minh của Mỹ và để mắt quan sát cẩn trọng đến Trung Quốc.¹³

Mặt khác, Hải quân Mỹ hiện nay, cũng giống như thời kỳ hoàng kim của Hải quân Hoàng gia Anh, phải gánh trách nhiệm toàn cầu vốn làm suy yếu các lực lượng mà nước này có thể tập trung ở bất kỳ một chiến trường nào. Do đó, khi hải quân Trung Quốc lớn mạnh, Bắc Kinh có thể hi vọng giành được ưu thế địa phương so với lực lượng lớn nhất mà Washington có thể triển khai ở các vùng biển châu Á như Mỹ đã từng làm hồi đầu thế kỷ trước đối với các lực lượng hải quân châu Âu dù nhìn chung khi đó Mỹ ở vị trí yếu hơn so với các nước trên. Nói cách khác, các lợi thế “sân nhà” vẫn rất quan trọng.

Tóm lại, những vấn đề chiến lược vây quanh Bắc Kinh dường như rõ ràng. Nhu cầu về những nguồn tài nguyên hữu hạn ở rất nhiều vùng biển sẽ kéo mỏng lực lượng phòng thủ biển của Trung Quốc dọc theo các đường bờ biển dài của nước này. Liệu PLA có thể tập hợp đủ lực lượng để bảo vệ các lợi

¹³ U.S. Navy, Marine Corps, and Coast Guard, “A Cooperative Strategy for 21st Century Seapower,” 10/2007, <http://www.navy.mil/maritime/Maritimestrategy.pdf>.

ích cao nhất, cốt lõi của nước này ở Biển Đông trong khi vẫn đảm bảo các lợi ích ở các vùng biển quan trọng khác đến nay vẫn còn đáng nghi ngờ. Điều gì đó khiêm tốn hơn và phù hợp với chiến lược mà nước Mỹ thời Mahan và Roosevelt theo đuổi dường như là khả thi hơn. Bằng cách loại bỏ các căn cứ của các cường quốc khỏi Đông Nam Á trong khi dọa nạt các nước láng giềng của Trung Quốc với khả năng vượt trội của họ, Hải quân PLA sẽ tạo điều kiện cho Bắc Kinh bắt đầu định hình một trật tự khu vực mới thậm chí ngay cả khi hạm đội của PLA vẫn còn rất nhiều việc cần làm.

LỢI ÍCH CAO NHẤT “CỐT LÕI” ĐẾN NAY VẪN CÒN ĐÁNG NGHI NGỜ, NHƯNG ĐIỀU GÌ ĐÓ KHIÊM TỐN HƠN DƯỜNG NHƯ KHẢ THI HƠN

Trung Quốc sẽ bảo vệ lợi ích cốt lõi như thế nào?

Khi đó, quân đội Trung Quốc có thể đã đủ khả năng để bắt đầu thi hành chính sách giành ưu thế ở Biển Đông, nhưng để làm được điều này, có lẽ quân đội Trung Quốc sẽ buộc phải tập trung phần lớn các lực lượng trên biển dọc theo bờ biển phía Nam với nguy cơ khó có thể chấp nhận đối với lợi ích ở các vùng biển khác của Trung Quốc. Để hỗ trợ mạnh mẽ cho chính sách lợi ích cốt lõi này, PLA phải phát triển các vũ khí hạng nặng, kỹ thuật điều khiển tàu biển, và sự nhạy bén chiến thuật để thực hiện một vài nhiệm vụ.

Công việc chính của PLA là tích lũy đủ tàu, máy bay, trang bị vũ khí để thiết lập kiểm soát địa phương đối với bất kỳ khu vực nào biển nào ở Đông Nam Á tại thời điểm mà lãnh đạo Trung Quốc lựa chọn. Điều này có thể đòi hỏi triển khai một lực lượng đáng tin cậy đối với những phần cực nam của Biển Đông, cách đảo Hải Nam gần 1,000 hải lý. Giành được quyền kiểm soát các

vùng biển khu vực tạo điều kiện để thực hiện các nhiệm vụ hải quân ở các vùng biển tranh chấp.

Nếu hoàn thành điều này, hạm đội hải quân Trung Quốc có thể khai thác việc kiểm soát trên biển theo rất nhiều cách. Nước này có thể bảo vệ việc qua lại hòa bình của các tàu thuyền dọc theo các tuyến đường giao thông biển hoặc tấn công các tàu của quân địch đi ngang qua các tuyến đường này. Nước này có thể triển khai sức mạnh ngoài khơi dựa vào việc sử dụng các máy bay trên biển, tên lửa tấn công đất liền, hoặc các lực lượng thủy quân lục chiến trong các cuộc tấn công đổ bộ của các tàu. Hoặc nước này có thể làm tròn các chức năng của cảnh sát trên biển như hỗ trợ nhân đạo hoặc giảm nhẹ thiên tai, chống cướp biển và chống phổ biến vũ khí, hợp pháp hóa bá quyền của nước này ở Biển Đông, như những gì Mỹ đã làm ở biển Carribe và Vùng Vịnh sau hệ luận của Roosevelt.¹⁴

Trung Quốc sẽ được lợi từ tính đa năng của sức mạnh hải quân. Như nỗ lực đa quốc gia nhằm cứu trợ sóng thần năm 2004 đã cho thấy, những con tàu thiết kế để tuần tra trên biển hoặc triển khai lực lượng có thể sẵn sàng chuyển sang nhiệm vụ của cảnh sát biển. Được xây dựng cho các hoạt động chiến đấu, những con tàu tấn công đổ bộ và các tàu bệnh viện gần đây được triển khai đến Ấn Độ Dương vì các nhiệm vụ phi quân sự.

Tuy nhiên, đây là một nhiệm vụ đầy tham vọng cho một lực lượng hải quân đã quá quen với việc trú ẩn ở các vùng biển ven bờ. PLA có thể thực hiện những nhiệm vụ này với các lực lượng hiện có không? Theo báo cáo Tàu chiến năm 2010-2011 của Jane, hải quân Trung Quốc được tạo thành bởi 135 đơn vị tham chiến chính (gồm tàu ngầm và các đơn vị chiến đấu trên

¹⁴ Geoffrey Till, *Seapower* (London: Routledge, 2009), đặc biệt trang 157-252.

mặt nước khác) và các loại tàu nhỏ hơn được sắp xếp thành ba hạm đội: Hạm đội Bắc Hải, Đông Hải và Nam Hải.¹⁵ Con số này có lẽ không được chính xác lắm, cũng như tổng số lực lượng cho bất cứ hải quân nước nào. Một tính toán không chính thức của Hải quân Mỹ cho rằng, một lực lượng hải quân cần 3 con tàu để sẵn sàng tác chiến. (Ở bất cứ thời điểm nào, một trong những chiếc tàu này đang di chuyển ở nước ngoài theo một chu kỳ luyện tập chiến thuật của hải quân; một chiếc đang triển khai các hoạt động như diễn tập, điều tra, và bảo trì thường xuyên; chiếc thứ ba đang nằm trong sân tàu, hoàn toàn không sẵn sàng cho dịch vụ trên biển). Nói cách khác, các vị tư lệnh có khoảng 1/3 trong tổng số tàu để tùy nghi sử dụng, mặc dù 1/3 khác trong số đó có thể vẫn sẵn sàng nhưng ở mức độ hạn chế hơn.

Thông lệ của Mỹ là một thước đo sơ khởi cho mức độ sẵn sàng của hải quân Trung Quốc nhưng rõ ràng rằng, số lượng các hạm đội trên giấy tờ phóng đại quá mức sức mạnh chiến đấu có thể triển khai được. Sử dụng con số của Jane cho các đơn vị tham chiến chính của Trung Quốc, phải cần từ 45-90 tàu chiến được yểm trợ bởi các con tàu nhỏ hơn để thực hiện hết các cam kết của Trung Quốc trải rộng trên ba vùng biển, chưa nói đến các sứ mệnh mở rộng ở Ấn Độ Dương. Thử so sánh với 32 đội quân chính mà Hải quân các nước Đông Nam Á có thể tập hợp trong số họ trên lý thuyết. Những chủ thể bên ngoài cũng có thể can thiệp vào các tình huống bất ngờ ở biển Đông. Hải quân Đài Loan có 28 đội quân chính, Lực lượng phòng vệ biển Nhật Bản có 71 và Hải quân Úc có 18. (Tất nhiên, những hạm đội này phải tuân thủ tỉ lệ 3:1 đối với các đơn vị có thể triển khai được).

¹⁵ “Defense Spending in a Time of Austerity,” *Economist*, 16/8/2010.

Điều này tạo thêm sự phản đối đáng kể với Trung Quốc ở vùng ngoại vi của nước này. Hải quân PLA phải quản lý được các địa bàn tranh chấp mà không có sự hỗ trợ từ các đội thuyền hậu cần mà có thể tái vũ trang, tái cung cấp nhiên liệu, và tái cơ cấu binh lính trong trường hợp chiến tranh trên biển, từ đó mở rộng bán kính hoạt động của các đội tàu, và không có các khả năng quan trọng như chiến đấu chống tàu ngầm và các biện pháp chống mìn. Trong khi không thể thiếu được trong việc triển khai sức mạnh và các chức năng không chiến đấu, đội tàu đổ bộ vẫn còn rất yếu. Lực lượng này được tập trung vào Đài Loan trong trường hợp Bắc Kinh cảm thấy cần phải thực hiện một cuộc xâm lược qua eo biển. Đến nay, Hải quân PLA đã thể hiện sự thiếu cận một cách kỳ lạ trong các khả năng và hệ thống như vậy. Tình trạng căng thẳng thường xuyên trên hạm đội có lẽ sẽ kéo dài cho đến khi những khuyết điểm trên được giải quyết.

Những thước đo về khía cạnh vật chất không cho chúng ta thấy toàn bộ câu chuyện. Thứ vũ khí quan trọng nhất chính là người sử dụng chúng. Kỹ năng điều khiển tàu và chiến thuật của các sỹ quan và các quân đoàn “biển số con người, biển số vĩ đại nhất trong tất cả các loại biển số” trong chiến tranh hải quân, theo tiểu thuyết gia C.S. Forester¹⁶ vẫn còn chưa được thử thách dù cho hải quân nước này đã có màn trình diễn hết sức thuyết phục trong việc chống cướp biển ở Somali. Nhiệm vụ chống cướp biển hết lần này đến lần khác làm mệt mỏi đội quân của hải quân PLA, những người chưa quen với các hải trình dài hoặc sự khắc nghiệt của các thiết bị khi phải tiếp xúc với

¹⁶ C.S.Forester, *The GoodShepherd* (1955; tái bản, Annapolis: Naval Institute Press, 1989), trang 7-8.

nước biển mặt, thời tiết và các cuộc hành quân liên miên.¹⁷ Mặc dù gần đây PLA đã thêm nhiều kịch bản thời chiến thực tế vào các bài huấn luyện, nhưng vẫn chưa rõ các tư lệnh Trung Quốc sẽ lèo lái đội tàu của họ như thế nào giữa những căng thẳng của chiến tranh nóng.

Cùng với các hạm đội, Mahan cũng liệt các căn cứ tiền phương xuyên qua các SLOCs như là “trụ cột thứ hai” để đánh giá về sức mạnh biển. Để tạo ra sự hiện diện liên tục, PLA sẽ có lợi rất nhiều từ các căn cứ ở vùng biển phía Nam của Biển Đông. Đài Loan giữ đảo Itu Aba, hay đảo Thái Bình, đảo lớn nhất trong quần đảo Trường Sa, cùng với các đá Center Cay và Sand Cay liền kề. Nhưng thậm chí, những đảo thuộc quyền sở hữu của Đài Loan này cũng có giá trị chiến lược hết sức mơ hồ với Trung Quốc trong một tình huống quân sự bất ngờ lớn, đặc biệt khi một bên liên quan đến hải quân Mỹ. Các đảo quá nhỏ, hoặc là quá ít tài nguyên để thực hiện sự kiểm soát trên biển hoặc các hoạt động triển khai lực lượng. Nhiều nhất, các đảo này có thể coi như những trạm tiếp nhiên liệu hoặc tiếp vũ khí cho các tiểu hạm đội của Hải quân PLA. Giá trị lớn nhất mà các hòn đảo này đem lại nằm ở khả năng từ chối tiếp cận đối với các vùng biển liền kề đó. Trung Quốc có thể triển khai các tên lửa hành trình chống tàu tầm xa trên các vị trí này, tạo ra một khu vực không qua lại trên Biển Đông. Khi đó, những tài sản này có thể đóng vai trò truyền tải quyết tâm của Trung Quốc.

Các chỉ huy Trung Quốc có thể dựa vào một khả năng mới của một loại tên lửa đạn đạo chống tàu (ASBM), một loại tên lửa đạn đạo di chuyển được, có khả năng tấn công các mục tiêu di chuyển trên biển cách xa hàng trăm dặm, để giúp bù lại cho những thiếu sót trong việc kiểm kê hải quân. Theo Đô đốc

¹⁷ Ian J. Storey, “China Debates the Need for Overseas Bases,” *Straits Times*, 29/4/2010, <http://www.iseas.edu.sg/viewpoint/ijs29apr10.pdf>.

Robert Willard, tư lệnh chỉ huy Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, một vật mẫu của ASBM đã đạt tới “khả năng tác chiến ban đầu”¹⁸ hoặc là ở những giai đoạn đầu của các cuộc triển khai tác chiến. Ước lượng tầm bắn của nó dao động từ khoảng 1,500 đến 2,500 km. Con số cao nhất sẽ cho phép ASBM đặt ở đảo Hải Nam hoặc bất cứ đâu ở phía Nam Trung Quốc vươn tầm bắn đến hầu như toàn bộ Biển Đông, cũng như bắn đến phía Tây của eo Malacca. Điều này thể hiện sự tăng lên theo thứ tự cường độ trong các tầm bắn và khả năng bắn trúng của các tên lửa chống tàu được bắn ra từ đất liền. Việc mở rộng mạnh mẽ tầm bắn của hỗ trợ bắn tên lửa từ trên bờ sẽ làm giảm gánh nặng cho các hạm đội Trung Quốc, tạo ra áp lực liên tục cho những kẻ thách thức lợi ích của Trung Quốc trong thời bình cũng như thời chiến.

Sự khác biệt giữa các kịch bản thời bình và thời chiến rất quan trọng, đơn giản bởi vì Mỹ có lẽ sẽ không tăng thêm lực lượng của nước này cho một nỗ lực đối đầu chung với một nước Trung Quốc nếu chiến tranh chưa xảy ra. Sự khiêu khích sẽ là quá nhỏ. Nếu Washington tránh dính líu vào các tranh cãi thời bình, điều này sẽ làm giảm căng thẳng rất lớn cho các lực lượng hải quân của Trung Quốc. PLA lúc đó sẽ chỉ phải đối mặt với các hạm đội khá yếu từ các nước Đông Nam Á. Được hỗ trợ bởi số lượng đầy đủ các ASBN có khả năng đặt hạm đội của kẻ thù trong tình thế nguy hiểm, thậm chí cả một hạm đội khiêm tốn nhất của Trung Quốc ở Biển Đông cũng có thể tìm cách đe dọa các quốc gia Đông Nam Á với các cuộc phô diễn lực lượng thường xuyên hoặc không thường xuyên. Việc sử dụng hải quân thời bình như vậy có thể nhằm áp đặt một thông lệ mới đối với các quốc gia Đông

¹⁸ Bill Gertz, “China Has Carrier-Killer-Missile, U.S. Admiral Says,” *Washington Times*, 27/12/2010, <http://www.washingtontimes.com/news/2010/dec/27/china-deploying-carrier-sinking-ballistic-missile/>.

Nam Á, các nước rõ ràng đã nhận thức được lợi ích lớn của Trung Quốc ở Biển Đông. Nếu đây là một phần của chính sách dài hạn hơn nhằm làm tiêu tan ý chí chính trị của các nước láng giềng của Trung Quốc, Bắc Kinh có thể không cần phải xây dựng một hạm đội hùng hậu hoặc chuyển các cơ sở vật chất từ các trận địa quan trọng khác.

Nhưng nếu mong muốn sở hữu Biển Đông trên thực tế của Bắc Kinh là lời giải thích hợp lý cho “lợi ích cốt lõi” và do đó là kiểm soát lâu dài các tình huống xảy ra trên biển thì nước này phải đẩy nhanh việc xây dựng hải quân và dự tính khả năng can thiệp của Mỹ. Chỉ khi đó PLA mới có thể đáp ứng chuẩn mực của Mahan về việc cung cấp đủ sức mạnh hải quân để đối mặt với hạm đội lớn nhất có thể được triển khai chống lại Trung Quốc. ASBMs có thể tạo ra sự hiện diện toàn thời gian ở đây, nhưng mà chúng không thể thay thế cho một sức mạnh chiến đấu bền vững và đáng tin cậy trên biển. Nói tóm lại, Bắc Kinh có thể hy vọng xây dựng một trật tự khu vực mới bằng cách sử dụng vũ khí có sẵn ở biển hoặc đang xây dựng, nhưng nước này phải thực hiện điều đó trong khi duy trì dưới ngưỡng sự can thiệp của Mỹ. Nếu hải quân Mỹ tiếp tục suy giảm, Trung Quốc sẽ tận hưởng sự tự do hành động nhiều hơn, đơn giản bởi các tổng thống Mỹ sẽ cảm thấy ngày càng khó để biện minh cho các nguy cơ khi yêu cầu các lực lượng hải quân quý giá của Mỹ đến những nơi hiểm nguy.

Rất đáng phỏng đoán về các mô hình hoạt động đặc trưng cho các chiến dịch của PLA dưới mô thức lợi ích cốt lõi. Trong các nhiệm vụ thời bình ở Biển Đông, PLA sẽ có thể đổi vị trí các thứ tự mà trong đó nước này dỡ bỏ các hàng rào phòng thủ nhiều lớp trong chiến đấu. Ví dụ, ASBM sẽ có lẽ là vũ khí đầu tiên của các hạm đội Tây Thái Bình Dương chống lại hải quân Mỹ. Các cuộc tấn công tên lửa tầm xa sẽ giúp PLA phá hủy hoặc đánh đắm đoàn

quân tiếp viện của Hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ ở phía Tây từ Guam, Hawaii, hoặc các cảng dọc theo bờ biển phía Tây của Mỹ. Máy bay có vũ trang mang tên lửa hành trình hoạt động từ các chiến trường trên bộ sẽ đến tiếp theo, theo sau bằng hệ thống tầm ngắn hơn như tàu ngầm diesel, tàu tuần tra lén và các đội quân tác chiến trên mặt nước chính khác mà đều được trang bị tên lửa hành trình chống tàu. Mục tiêu của PLA là san bằng, thậm chí đảo ngược sự cân bằng lực lượng trước các cuộc tấn công của Mỹ ở các bờ biển châu Á, giống như khi Hải quân Hoàng gia Nhật Bản hình dung sử dụng tàu ngầm và máy bay để tiến hành “các cuộc hành quân ngăn chặn”, chia cắt hạm đội vượt trội của Mỹ thành kích cỡ như trước cuộc đụng độ quyết định.

Trái lại, trong các cuộc khủng hoảng thời bình ở Biển Đông, PLA sẽ có thể giữ ASBM của họ để dự trữ, sử dụng chúng như những phương tiện để ngăn chặn và bảo vệ các tàu chiến. Với việc được trang bị tên lửa, thậm chí các tàu cấp thấp hơn cũng có thể trở nên lý tưởng cho việc cưỡng chế các bên yếu hơn trong khu vực. Ví dụ, một tàu tấn công nhanh Houbai trang bị hạt nhân, đi lén và khá nhỏ loại 022 hoạt động ở Trường Sa dưới sự yểm trợ của ASBM có thể ngăn chặn các quốc gia Đông Nam Á tiến đến gần. Liệu là kế hoạch xây dựng tàu sân bay của Trung Quốc cho các mục tiêu cưỡng ép như vậy có được thực hiện hay không còn chưa rõ, song sự xuất kích định kỳ của các tàu chiến nhỏ hơn cũng sẽ nhắc các nước láng giềng nhỏ bé của Trung Quốc về lợi ích cốt lõi của nước này, nhấn mạnh giá trị mà Trung Quốc gắn cho Biển Đông.

Nói cách khác, một sự gia tăng khiêm tốn trong sức mạnh chiến đấu trên biển của Trung Quốc có thể thay đổi cân bằng sức mạnh hải quân theo hướng có lợi cho Trung Quốc trong thời bình khi hải quân Mỹ không can

thiếp. Theo thời gian, nếu không bị phản đối bởi các cường quốc bên ngoài như Mỹ, Nhật, hoặc Úc, những cuộc trình diễn quy mô nhỏ về ưu thế tuyệt đối của Trung Quốc so với các hạm đội của các quốc gia Đông Nam Á có thể bắt đầu được miễn cưỡng thừa nhận trong một trật tự với Trung Quốc làm trung tâm mới.

Điều này có thể xảy ra sớm nhất là trong khoảng năm năm nữa như nước Anh đã từng thừa nhận khi chính quyền của Grover Cleveland diễn giải hùng hồn Học thuyết Monroe. Trong cuộc khủng hoảng năm 1895 giữa Venezuela và Anh, Ngoại trưởng Mỹ Richard Olney đã yêu cầu quyền làm trung gian hòa giải và thông báo cho các nhà ngoại giao Anh rằng sự tán thành của Mỹ giờ đây là “luật” ở Tây bán cầu.¹⁹ Trong khi bác bỏ lời tuyên bố này, London tuy vậy lại bắt đầu rút quân khỏi Bắc Mỹ cuối thế kỷ đó, ngầm đồng ý với một trật tự mới với Mỹ làm trung tâm ở Châu Mỹ.

NẾU KHÔNG CÓ SỰ CAN DỰ CỦA HẢI QUÂN MỸ, TRUNG QUỐC CÓ THỂ THAY ĐỔI CÂN BẰNG SỨC MẠNH HẢI QUÂN THEO HƯỚNG CÓ LỢI CHO MÌNH TRONG 5 NĂM TỚI.

Tiền lệ của Mỹ dường như khá hợp lý nếu xét các xu hướng chiến lược hiện tại. Thực ra, học giả Bernard Cole của Trường Cao đẳng Chiến tranh Quốc gia đã chỉ ra rằng, Hải quân PLA có thể “tạo ra ảnh hưởng bá quyền ở khu vực biển Đông Á” vào khoảng thời gian 2016-2017 nhờ sự phát triển nhanh chóng của họ, do sự mở rộng dần trải của hải quân Mỹ và do những hạn chế

¹⁹ Samuel Flagg Bemis, *A Diplomatic History of the United States*, rev.ed. (New York: Holt, 1942), trang 416-420.

về mặt tài chính cho việc đóng tàu của Nhật Bản.²⁰ Những dự đoán như vậy rất đáng cân nhắc.

Đôi mắt với các trở lực

Chắc chắn rằng Trung Quốc rõ ràng vẫn thiếu những phương tiện quân sự đầy đủ để biến Biển Đông thành một cái hồ của Trung Quốc, nhưng nước này có thể đi được những bước dài theo hướng đó trong khi vẫn tiếp tục tiến hành các dự án hải quân của mình. Sự kiểm soát trên biển mà ít nhiều loại bỏ vĩnh viễn các lực lượng hải quân đối địch ra khỏi các vùng biển này vẫn còn nằm xa tầm với của Trung Quốc, nếu thực tế đó là một mục đích của nước này. Trung Quốc có thể tạo ra các mối đe dọa về quân sự ở mức độ thấp, bắt nạt các quốc gia láng giềng ở phía Nam với các đội tàu chiến, tàu ngầm, máy bay và tên lửa hiện tại. Những hành động như vậy có lẽ sẽ mang lại một vài lợi ích khiên cưỡng trong ngắn hạn, song chúng không thể mang lại một sự tái cơ cấu cơ bản cho chính trị hải dương mà lợi ích cốt lõi của Trung Quốc có thể đòi hỏi. Các quốc gia Đông Nam Á và các cường quốc ngoài khu vực dường như không có khuynh hướng chấp nhận trật tự trên biển lấy Trung Quốc làm trung tâm. Các cường quốc đối địch sẽ cản trở.

Thậm chí khi Trung Quốc hiện đại hóa sức mạnh hải quân của mình, kết quả là, cán cân lực lượng khu vực sẽ chống lại những nỗ lực áp đặt ý chí của Bắc Kinh. Các quốc gia Đông Nam Á sẽ không nhượng bộ trước chiến thuật dọa nạt chùng nào mà sức mạnh quân sự và các đảm bảo ngoại giao của Mỹ vẫn

²⁰ Bernard D. Cole, “Right-Sizing the Navy: How Much Naval Force Will Beijing Deploy” trong *Right-Sizing the People’s Liberation Army: Exploring the Contours of China’s Military*, eds. Roy Kamphausen and Andrew Scobell (Carlisle, PA: Strategic Studies Institute, U.S. Army, 2007), trang 553.

còn có thể tin tưởng được. Việc Washington công khai tuyên bố về lợi ích của mình ở các vùng biển châu Á chỉ ra rằng khu vực không có lý do gì để lo sợ nước Mỹ sẽ từ bỏ vai trò giữ ổn định mà họ đã giữ lâu nay ở các vùng biển châu Á. Mặc dù Trung Quốc không còn nghi ngờ gì nữa là một cường quốc biển đang trỗi dậy, song các hải quân khu vực không phải là dễ chơi. Và họ cũng không đứng yên một chỗ.

NHỮNG CÁC XU HƯỚNG THUẬN LỢI TRONG CÂN BẰNG HẢI QUÂN ĐỐI VỚI TRUNG QUỐC CÓ LẼ SẼ KHÔNG LÂU BỀN NHƯ THOẠT NHÌN

Cả các nước yếu sách và bên thứ ba đối với tranh chấp lãnh thổ đều dễ dàng phản ứng đối với sự phát triển hướng ra biển của Trung Quốc. Singapore, Malaysia, Indonesia, và thậm chí Việt Nam cũng đang mua sắm thêm lực lượng tàu ngầm để chống lại Trung Quốc. Những cường quốc bên ngoài khu vực như Nhật và Úc thì đang xây dựng hải quân của họ theo tiến độ của Trung Quốc. Tokyo dự định sẽ mở rộng hạm đội dưới biển lần đầu tiên trong hơn 30 năm qua, trong khi Canberra đã khởi động chương trình tàu ngầm tốn kém nhất trong lịch sử nước Úc.²¹ Các hai quốc gia rõ ràng đều tính đến nhân tố Trung Quốc trong đầu mình. Và, khi nhìn về phía Đông qua Vịnh Bengal, Ấn Độ cũng lo lắng rằng ưu thế của Trung Quốc ở Biển Đông

²¹ Chương trình Quốc phòng Trung hạn gần đây nhất của Nhật Bản chỉ đạo Lực lượng Tự vệ biển triển khai “các biện pháp mở rộng hạm đội tàu ngầm”. Xem Government of Japan, Ministry of Defense, “Summary of Mid-term Defense Program (FY2011-2015),” 17/12/2010, trang 2, http://www.mod.go.jp/e/d_act/d_policy/pdf/mid_FY2011-2015.pdf. Theo sách trắng quốc phòng năm 2009 của Australia, Canberra lên kế hoạch tăng gấp đôi lực lượng tàu ngầm vào thời điểm giữa những năm 2030. Xem Australia Government, Department of Defense, “Defending Australia in the Asia Pacific Century: Force 2003,” 2009, trang 64,

sẽ báo trước sự hiện diện hải quân mạnh mẽ hơn của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương, khoảng không gian mà New Delhi coi như là ao làng của Ấn Độ.

Vậy thì, nhìn về phía trước, Trung Quốc có thể đối mặt với tình thế leo thang theo chiều ngang với các đối thủ hải quân nhỏ nhưng có khả năng ở các khu vực khác trong một cuộc khủng hoảng hoặc xung đột ở Biển Đông. Sự leo thang như vậy sẽ gây sức ép kiềm chế lên các lãnh đạo và chỉ huy quân đội Trung Quốc. Nói tóm lại, những xu hướng thuận lợi trong cân bằng hải quân cho Trung Quốc có lẽ sẽ không lâu bền như thoát nhìn.

Việc Mỹ có thể duy trì được vị thế độc tôn của nước này ở khu vực biển châu Á hay không là yếu tố quyết định cuối cùng và có lẽ là tối quan trọng đối với khả năng của Trung Quốc trong việc lựa chọn các biện pháp để thực hiện mục đích. Năm 2007, Chiến lược biển của Mỹ xác định Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương là những địa bàn hoạt động chính cho các quân chủng hải quân của Mỹ, và cam kết trong tương lai trước mắt sẽ tổ chức các lực lượng tác chiến hùng mạnh ở đây. Điều này đặt biển Đông trở thành cầu nối trực tiếp giữa hai chiến trường trọng yếu đối với lợi ích của Hải quân Mỹ. Ngoài ra, Chiến lược biển của Mỹ chỉ ra rằng Hải quân nước này sẽ duy trì năng lực “kiểm soát biển trong nước ở bất kỳ nơi nào cần thiết, mà lý tưởng nhất là phối hợp cùng với các nước bạn bè và đồng minh, nhưng nếu thực sự cần thiết, sẽ tự mình kiểm soát nếu buộc phải.”²²

Điều này cho thấy một tuyên bố rõ ràng về ý định. Mặc dù vậy, các nhà hoạch định chính sách đã khá mập mờ về thực chất cam kết của Mỹ đối với khu vực. Chẳng hạn như, trong khi được hoan nghênh vì đưa ra tuyên bố về

²²U.S. Navy, Marine Corps, and Coast Guard, “A Cooperative Strategy for 21st Century Seapower.”

“lợi ích quốc gia” đối với tự do hàng hải qua các tuyến giao thông liên lạc đường biển Đông Nam Á, Ngoại trưởng Clinton cũng tái khẳng định rằng Washington không có lập trường nào trong việc ai sẽ thực thi chủ quyền ở khu vực các đảo thuộc Biển Đông hay các vùng biển lân cận.²³ Điều này cho phép Bắc Kinh có nhiều cơ hội diễn tập để thử nghiệm mức độ cam kết của Mỹ trong khi củng cố các yêu sách của mình. Các cuộc đụng độ rõ ràng luôn trong tình trạng sẵn sàng tái diễn.

Trung Quốc có thể đương đầu với viễn cảnh vấp phải sự phản kháng bằng việc sử dụng thêm các nguồn lực vào nỗ lực khắc phục những thiếu hụt về cả chất lượng và số lượng khiến Hải Quân Quân đội Giải phóng nhân dân Trung Quốc PLA điêu đứng. Số lượng là trở ngại chính đối với dự án biển của Trung Quốc. Nói ngắn gọn, Bắc Kinh cần nhiều tàu hơn nữa để tương xứng với các đơn vị hiện đại bao gồm hạm đội tiền tiêu. Để cung cấp thủy thủ cho các tàu này, Trung Quốc cần tuyển mộ ngày càng nhiều nhân lực có kỹ năng và dày dặn vào vị trí sĩ quan và các quân đoàn binh nhì, đảm bảo rằng hải quân có thể vận hành được các thiết bị tinh vi trong cuộc chiến cường độ cao trên biển.

Một số nhà quan sát chỉ ra rằng từ năm 2005 đến nay, Trung Quốc không đóng được tàu khu trục mới nào cả, ngụ ý rằng công tác xây dựng hải quân của Trung Quốc đang bị chững lại.²⁴ Nhưng cũng có nhiều bằng chứng cho thấy việc xây dựng hải quân của Trung Quốc còn lâu mới hoàn tất. Thực ra, Bắc Kinh có vẻ như đang đẩy mạnh quá trình đóng tàu theo nhiều hướng

²³ Mark Landler, “Offering to Aid Talks, U.S. Challenges China on Disputed Island,” New York Times, 23/7/2010, <http://www.nytimes.com/2010/07/24/world/asia/24diplo.html>.

²⁴ James R. Holmes and Toshi Yoshihara, “China’s Naval Build-up Not over,” The Diplomat, 29/12/2010, <http://the-diplomat.com/2010/09/29/china%E2%80%99s-naval-build-up-not-over/>.

khác nhau cùng một lúc, chuyển dần từ việc đầu tư đóng tàu khu trục sang hàng loạt các cơ sở khác. Ví dụ như, Trung Quốc tiếp tục đóng thân tàu thủy cho tàu chiến có trang bị tên lửa dẫn đường lớp Jiangkai II, loại tàu tân tiến nhất loại này trong danh sách tàu chiến của Hải quân Quân đội Giải phóng nhân dân Trung Quốc PLA.

Trung Quốc gần đây cũng dốc nguồn lực vào việc tân trang lại các hàng không mẫu hạm Varyag không còn sử dụng của Liên Xô cũ, chủ yếu như là cơ sở huấn luyện cho các phi công hải quân. Việc này chưa tính đến các tàu sân bay mới đóng mà Bắc Kinh hiện thừa nhận đang theo đuổi.²⁵ Nhu cầu cạnh tranh về các nguồn lực có hạn bắt đầu giải thích cho quá trình trang bị vũ khí không thường xuyên của Trung Quốc. Và cuối cùng, việc tạm ngưng đóng tàu khu trục như lời đồn có thể sẽ đã không bao giờ xảy ra. Đánh giá từ các bức ảnh hiện đang được phát tán, một tàu chiến vượt 10 000 tấn - tàu chiến lớn nhất từ trước tới nay được hạ thủy ở Trung Quốc có thể gần được hoàn thiện ở một xưởng đóng tàu nào đó của Trung Quốc. Một tàu khu trục mới chắc không phải là điều ngạc nhiên đầu tiên mà các hãng đóng tàu Trung Quốc đem lại cho các nước khác trong những năm gần đây. Những điều ngạc nhiên mang tính quy luật hơn là ngoại lệ.

Do đó, các chính khách không nên đánh giá thấp việc hiện đại hóa hải quân Trung Quốc. Điều này không chỉ đơn giản là đua cợt trong vấn đề biển. Sức mạnh hải quân của Trung Quốc ở đây vẫn còn. Nhưng có thời gian để tổ chức phản ứng đáp trả. Thậm chí giả định rằng Trung Quốc không gặp phải phản ứng đối trọng nào trong khu vực, thì nước này cần ít nhất là một thập

²⁵ Kathrin Hille and Mure Dickie, "China Reveals Aircraft Carrier Plans," Financial Times, 17/12/2010, <http://www.ft.com/cms/s/0/fa7f5e6a-09cc-11e0-8b29-00144feabcd0.html#axzz1AxJuYD1L>.

kỷ nữa để tích lũy dạng sức mạnh hải quân vượt trội mà có thể chắc chắn ngăn cản sự can thiệp của Mỹ trong khi thị uy với hải quân châu Á. Việc Bắc Kinh có thể hiện thực hóa giấc mơ của họ về một trật tự khu vực mới không phải là một kết cục tất yếu.

Tình huống bất ngờ khác ở Đài Loan

Đài Loan đóng vai trò là một nhân tố chi phối quan trọng nhưng thường bị bỏ qua trong chiến lược của Trung Quốc đối với Đông Nam Á. Dù có sự tan băng rõ rệt trong quan hệ giữa hai bờ eo biển từ năm 2008, nhưng Trung Quốc vẫn phải dành nguồn lực và sự chú ý đáng kể tới việc chuẩn bị cho một loạt các tình huống quân sự bất ngờ ở Eo biển Đài Loan. Nói đơn giản, Bắc Kinh sẽ canh phòng cẩn mật chừng nào mà thế bế tắc với Đài Loan vẫn chưa được giải quyết. Nhưng nếu hòn đảo này quay về với đại lục, dù theo cách thức hòa bình hay phải sử dụng đến vũ lực thì sẽ có một tính toán cơ bản mới trong chiến lược của Trung Quốc.

Một giải pháp thỏa đáng trong vấn đề Đài Loan sẽ không chỉ giúp Trung Quốc thoát khỏi vấn đề kinh tế- chính trị học búa mà còn khiến Bắc Kinh trở thành một pháo đài quân sự nhìn ra rìa phía bắc của Biển Đông. Một thế giới hậu Đài Loan, vì thế, sẽ mở ra một triển vọng quân sự cho các tướng lĩnh Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc. Trước hết, Trung Quốc có thể điều các cơ sở quân sự được dàn binh bố trận chống lại Đài Loan tới các vị trí tiền tiêu khác để hỗ trợ cho các chiến dịch hải quân ở phía nam. Sau nữa, Trung Quốc có thể sử dụng chính hòn đảo này là căn cứ, đặt khẩu đội pháo tên lửa, máy bay chiến đấu và tàu chiến ở đó để phân nào đó bao vây Biển Đông.

Phải thừa nhận rằng Đài Loan không phải là chìa khóa vàng giúp giải quyết mọi vấn đề, tuy nhiên, Đài Loan cũng đáng giá như một tài sản có ý địa chiến lược. Tên lửa đạn đạo tầm ngắn và phi cơ chiến thuật đóng căn cứ ở bờ biển sẽ không thể chạm tới các mục tiêu lớn dọc Biển Đông. Những mục tiêu này được phân bố rộng rãi quanh một cung hình chữ U trải dài về phía nam từ Việt Nam tới Indonesia và quay trở lại phía bắc tới Philipin. Vành đai bảo vệ dài và cuốn xoắn như vậy khiến việc ngắm mục tiêu trở nên cực kỳ phức tạp, thậm chí đối với một lực lượng tên lửa lớn và phức tạp như Quân đoàn II Đại pháo thuộc Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc. Nhưng vấn đề sẽ ít phức tạp hơn một khi các lực lượng này đóng quân trên đất Đài Loan.

Đừng để bị mắc bẫy

Trung Quốc có vẻ đang theo chân các cường quốc địa trước kia như Mỹ, Đức và Liên bang Xô viết khi khẳng định quyền bá chủ đối với các biển lân cận. Vì thế, cách giải quyết của Trung Quốc đối với các tranh chấp về Biển Đông không có gì gây ngạc nhiên. Nhưng có cũng có nhiều kiểu bá quyền. Các quốc gia Châu Á có thể chung sống với một nước Trung Quốc- giống như nước Mỹ của Mahan- một quốc gia đôi khi hống hách độc đoán, mặc dù phần lớn thời gian đều kìm chế tham vọng của mình. Một Trung Quốc khẳng định quyền sở hữu toàn bộ các vùng biển trong khu vực lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Các nhà lãnh đạo Châu Á và Mỹ phải theo dõi những tuyên bố và hành động của Trung Quốc mà có thể vượt quá khuôn mẫu lịch sử mà nước Mỹ đã trải qua một thế kỷ trước.

Dường như không có mối nguy hiểm cận kề nào sắp xảy ra. Có một khoảng cách khá xa giữa quan điểm của Trung Quốc về những lợi ích cốt lõi và khả

năng của họ để đạt được những lợi ích đó. Bắc Kinh phải đối mặt với những thách thức căng thẳng về an ninh tại các biển gần kề, đó là chưa kể đến những thách thức ngoài khu vực mà cũng không kém quan trọng hơn những thách thức tại khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, nếu Trung Quốc chấp nhận một lợi ích cốt lõi hạn chế để đổi lấy thứ gì đó không phải là ưu thế tuyệt đối tại Biển Đông hoặc nếu họ tỏ ra sẵn sàng tập trung lực lượng tới miền nam và hy sinh những lợi ích của bản thân ở một nơi khác, thì Trung Quốc có thể sẽ sớm yêu sách quyền thống trị trên Biển Đông.

Tuy nhiên, chính trị quốc tế là sự va chạm của các lực lượng đang tồn tại. Bất kỳ quốc gia nào, kể cả nhỏ bé tới mức nào, đều là một thực thể sống, hữu sinh. Giọng điệu và cách hành xử của Trung Quốc vốn đã kích thích một động thái - một chuỗi phản ứng trong khu vực, dẫn đến một cuộc chạy đua vũ trang quy mô nhỏ. Điều này không có nghĩa là Bắc Kinh có thể tùy ý ra lệnh cho các quốc gia láng giềng yếu hơn trong các tình huống chiếm ưu thế. Mỹ và các nước chủ đạo khác ở Đông Nam Á phải tiếp tục cảnh giác trong khi cân trọng không thổi phồng ý định hay khả năng của Trung Quốc. Nếu làm như vậy, họ sẽ thúc đẩy cơ hội cho hòa bình.

Toshi Yoshihara and James R. Holmes

Quách Huyền (dịch)

Đỗ Thủy (hiệu đính)

Bài viết đăng trên The Washington Quarterly, mùa xuân năm 2011 với nhan đề “*Can China Defend a “Core Interest” in the South China Sea?*”